

Số 23

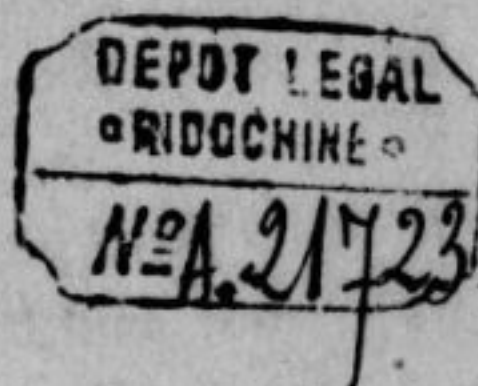
1er Août 1943

ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAISSANT LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

Giám-đốc : HỒ-VĂN TRUNG



MỤC LỤC

- 1— Giáo dục nhi-đồng. QUANG-PHONG
- 2— Diễn-giã và kép hát. NGUYỄN-VĂN-XUÂN
- 3— Nhon đọc «Khảo luận về Kim-Vân-Kiều». . . HUONG-TRÀ
- 4— Gốc tích người Việt-Nam (tiếp theo). . . LÊ-CHÍ-THIỆP
- 5— Câu chuyện Văn-học (Nhà viết tiểu thuyết). . . THIẾU-SON
- 6— «Rương vàng của con tôi» (tiếp theo) TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG
- 7— Ai-tình Miếu (tiểu-thuyết) HỒ BIỂU-CHÁNH



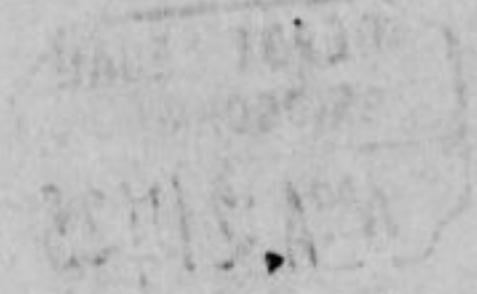
Bao quan . 5, rue de Reims, Saigon — Giá mỗi số 0 \$ 40

50 74799

ĐẠI VIỆT TẬP CHÍ

UNITED STATES TRANSLATION SERVICE

QUỐC LỘ



QUỐC LỘ

- 1 - (Theo chủ đề)
- 2 - (Theo chủ đề)
- 3 - (Theo chủ đề)
- 4 - (Theo chủ đề)
- 5 - (Theo chủ đề)
- 6 - (Theo chủ đề)
- 7 - (Theo chủ đề)

GIÁO-DỤC NHI-ĐỒNG



CHÚNG ta từng nhận thấy, bất cứ ở một xã-hội nào, một quốc-gia nào, vấn-lề đào-luyện thanh-niên hay giáo-dục nhi-đồng là một hệ trọng trong sự gây dựng cho tiền đồ rực- rỡ của quê hương đất nước.

Mặc dầu ai không có chút nhiệt tâm đối với sự đào luyện trẻ thơ, nhưng cũng có thể nhìn nhận, với sự tồn vong thanh suy của xã hội bao giờ cũng ký thác ở lòng phấn đấu cương cường hay yếu hèn nhu nhược của đoàn niên thiếu.

Bởi vậy, trách nhiệm của thanh niên rất nặng nề. Nhất là ở vào một thời kỳ hết sức nghiêm trọng thắm khốc bởi nạn khói lửa chiến tranh. Nếu không may, một nước bị họa diệt-vong thì không ai không nghĩ đến sự phục hưng do lòng đồng mãnh và đoàn kết của tất cả mọi người; nhất là do sự tận tâm của đoàn thanh niên sắp hàng hải gây dựng.

Đối với cái vận mạng tồn vong của một dân tộc, yếu hèn sẽ chết, mạnh thắng sẽ được sống, vậy các bạn trẻ cần phải có những điều kiện gì, huấn luyện bằng cách nào để đối phó với những hiểm trạng của xã hội hầu xoay đổi thời cuộc.

Một cây tre tốt ngay suôn suốt là do người chủ vườn chăm nom uốn-nắn từ lúc còn non yếu.

Cũng thế, một dân tộc từ dã-nạn tiến đến sự cực-điểm văn-minh là phải trải qua bao nhiêu sự tàn phá và gây dựng của thời gian, của lòng nỗ-lực và phấn đấu ở đám dân chúng có lòng tin tưởng.

Vả lại, một dân tộc sở dĩ quật cường không phải bằng sự đào luyện mấy giờ phút hay hoàn toàn chịu cấu tạo bởi hoàn cảnh hiện tại, mà vốn trải qua bao thời gian của sự đào luyện có phương pháp và kỷ luật.

Bởi phần thấy sự giáo dục nhi đồng là cần, nhưng từ xưa đến nay chỉ mượn chốn gia đình làm nơi đào luyện. Sự đào luyện ấy do cha mẹ hay ông bà chủ trương, có lẽ không được châu đáo bởi thiếu phương pháp hay hạn về sanh kế. Vì vậy trên thế giới, cuối thế kỷ thứ 18, ở Anh, Pháp bắt đầu lập ra

những chỗ gởi con (crèches) là chỗ để nuôi con nít trong lúc ban ngày. Những đứa trẻ ấy từ 2 tuổi trở lên mới được gởi. Đến năm 1837, Froebel, người nước Đức lập ra Ấu-tri-viên (jardins d'enfants) để chuyên dạy những trẻ con chưa đúng tuổi đi học. Giáo khoa chỉ lấy sự xướng ca chơi giỡn làm gốc, cốt làm cho chúng được vui tươi mãi. Còn các giáo viên, thì toàn dùng phụ nữ.

Từ đó Ấu tri-viên, nhà gởi con, trường con nít (écoles maternelles) mới lan tràn khắp thế giới. Như thế, sự giáo dục nhi đồng từ đó về sau này mới có phương pháp và chuyên môn.

Chịu ảnh hưởng, và nhận thấy sự giáo dục nhi đồng là cần trong cuộc đời, đắp nền tương lai tốt đẹp cho quê hương xứ sở nên các bác sĩ, các nhà văn giàu kinh nghiệm cho ra những sách nói về sự kết tạo thai sản của người đàn bà, sự chăm nuôi con nít, sự đào luyện trẻ con. Ai cũng chăm lo đến vấn đề giáo dục nhi đồng, từ sự ăn ngủ cho đến cuộc chơi giỡn.

Chăm lo như thế tất cả có một công cán rất to đối với sự vun trồng và gây dựng cho tiền đồ đất nước.

Đành rằng ở thế giới hiện nay đã có những trường chuyên môn giáo dục nhi đồng theo phương pháp khoa học, nhưng chưa được phổ biến đến thôn quê thì toàn thể nhi đồng cũng đều hoàn toàn chịu sự đào luyện ở gia đình bên cạnh người cha ngay, người mẹ hiền, người anh đứng đắn.

Đọc qua những trường trên, chúng ta đã nhận thấy phần sự của những người thức giả ở thế giới đã quan tâm đến vấn đề giáo dục nhi đồng là thế nào.

Trái lại ở xứ ta, sự giáo dục nhi đồng đối với phần đông người có chịu thờ-ơ lãnh đạm. Tuy cũng thành lập được một vài hội như « Viện Dục-anh », « Đồng xu học sanh » nhưng không đủ cung cầu cho một phần đông trẻ con nghèo được hưởng ân huệ trong cái số ít ỏi ấy. Vả lại, những viện, những hội ấy chỉ là một tiếng dội lại của tiếng kêu gào ở những bậc thức giả đối với trẻ con nghèo thôi.

Ngày nay không biết bao nhiêu là hội hè, nào thể thao, thể dục... cố luyện tập cho thân thể thanh niên được cường tráng ; còn sự tiến bộ về tinh thần thì chúng ta không được thấy có một cơ quan nào để đào luyện cho. Như thế, ở xã-hội ta, còn thiếu những kẻ từ tâm hay những bậc thức giả ?

Vậy thì ở vào xứ này, những kẻ làm cha mẹ không còn mong ở ai gây dựng cho mà ngoài sự lo cho con được ăn no mặc ấm, ngủ yên, lại còn cần phải truyền thọ cho con được một giáo-dục thuần-túy. Thế mà, cái nền phận thiêng liêng cao quý ấy, một phần đông kẻ làm cha mẹ cũng làm ngơ. Xả hội do đó mà càng thêm suy đồi !

Vào một hàng sách, trông vào tủ kiến bày la liệt những sách vở. Nhưng đại để, chúng ta chỉ toàn thấy những tiểu thuyết dâm tình, những thơ ca lãng mạn làm tê-liệt cả năng khiếu của tuổi trẻ. Thêm vào đó được một vài quyển sách triết-lý siên hình, diễn dịch bằng những danh-từ trừu tượng khô khan làm vở cả óc người đọc. Song, còn lại một số rất ít là có được vài quyển sách của những bác sĩ nhiệt tâm cố vấn bởi nền giáo-dục của trẻ, nhưng sách ấy lại bị một số đông đọc giả làm ngơ. ...

Bởi quá thiên về sự tấn bộ của vật chất, đại đa số bà mẹ ông cha càng xao lãng về phần tiến-bộ của tinh thần.

Hụp lặn theo phong trào giải phóng, phụ nữ Việt-Nam rập tâm xô đổ gia đình, đập phá những kỷ-cương lễ giáo thuần túy của ngàn xưa. Trọng tự do, thích khoái lạc của cá nhân, họ quên hẳn cái thiên chức tối cao là làm con, làm vợ, làm mẹ để quần đốc một gia đình mà dạy dỗ con cháu góp vào một công cuộc gây dựng cho tương lai đất nước.

Như thế, những câu : « Hãy nhường chỗ lại cho thanh niên thanh niên là rường cột, là tương lai của quê hương xứ sở » ; chẳng qua là những câu cổ võ rầm rộ của một hạng người to tiếng đề mạng danh hai tiếng « thanh niên » thôi.

Nhưng sự thật không cho phép ta như thế, nhất là ở vào một thời kỳ cấp tốc này. Một nước bèn yếu không thể tránh khỏi cái họa diệt vong nay mai.

Vả lại, sau cuộc thất bại đau đớn, nước Pháp muốn vãn cứu lấy tình trạng suy vong, nên quốc trưởng Pétain đề xướng cuộc « phục-hưng quốc gia » và, từ đó vấn đề thanh niên mới trở lại một vấn đề rất cần trong cuộc phục hưng của giống nòi mà buộc một ông già chổng chất trên mình hơn 80 năm lao tâm tốn sức vì đồng bào tổ quốc, hôm nay phải nghiêng mình chú ý đến đoàn hậu tấn để gây dựng lại nền canh liệt vẻ vang của lịch sử nước nhà.

Hưởng ứng với phong trào, chúng ta càng nhận thấy sự đào luyện thanh niên là một điều tối cần và quan trọng trong sự phục hưng... Và, sự giáo dục nhi đồng lại là một vấn đề thêm

hệ trọng mà những kẻ làm cha mẹ không có quyền được ngò ngang và lãnh đạm.

Đọc những trang lịch sử danh nhân ở hoàn cầu, chúng ta nhận thấy, số dĩ những bậc ấy làm nên những công việc vĩ đại tuy do ở thiên tài, song cũng phải chịu ảnh hưởng sự di truyền của cha mẹ và sự giáo dục gia đình.

Nhà hiền triết Trung-hoa, Mạnh-Tử, nhà thông thái Pasteur, nhà danh tướng Nhạc-Phi đời Tống phải chăng nhờ sự chăm nom huấn luyện của người mẹ hiền mà được lấy lòng danh tiếng và lưu truyền ở hậu thế.

Vậy giáo dục nhi đồng là thế nào ?

Chúng tôi xin văn tắt giới thiệu qua lịch sử và duyên cớ của nó. Và, xin mạo muội phát biểu một vài thiện kiến trong sự giáo dục nhi đồng ở gia đình Việt-Nam hiện đại trong số tôi.

QUANG PHONG



Người thủ lãnh là người vừa biết làm cho người ta từng phục, vừa biết làm cho người ta yên miễn.

Thủ-lãnh chẳng phải là người để ép người ta phải phục tùng, mà chánh là người có tư cách làm cho người ta tự nhiên phục tùng. Chớ nên quên rằng hề quân-suốt hơn quân thì phải biết hiến thân của mình mới được.

Thượng tướng PÉTAIN

DIỄN-GIẢ VÀ KÉP HÁT



UY diễn-giả có vài chỗ giống kép hát, tuy hai nhà nghệ-thuật đều phải có những giảng điệu và giọng nói kỹ xảo, đều phải cần dùng đến trí nhớ, tuy thỉnh giã cũng hợp lại một chỗ như khán giã, nhà diễn giã rầu lấy làm phiền muộn khi người bị kèn là một kẻ diễn tuồng.

Hàng biện và kịch bản (théâtre) khác nhau nhiều. Kịch bản tổng hợp các nghệ thuật. Bỗng tuồng do nhà văn sĩ hay thi sĩ viết ra, diễn trong rạp hát mà kiến trúc sư đã cất lên, mà nhà họa sư và nhà điêu khắc trang hoàng với những bức tranh đẹp cùng những hình nặn khéo. Nhiều khi khán giã còn thưởng thức được những hài âm nhạc thâm trầm và những cuộc khiêu vũ mỹ lệ. Ta biết rằng nhờ mắt và tai, tri não mới chiêm vọng các mỹ thuật, mắt trông hình, tranh, lâu đài và những nghệ thuật về hành vi, tai nghe những bài văn và âm nhạc : thị giác và thính giác thì gọi là thưởng đẳng quan, hay mỹ quan. Các quan khác : xúc giác, vị giác, khứu giác thì kèn là hạ đẳng quan. Cách phân chia ấy, nhiều người không phục.

Một nhà vị lai (futuriste) nước Ý, ông Marinetti nhận chắc rằng xúc giác sẽ trở nên một mỹ-quan. Trong quyển «Problème de l'esthétique contemporaine», ông Guyau lấy làm bất bình về việc người ta dành để tên mỹ quan cho thính giác và thị giác. Theo ông, vị giác khứu giác và xúc giác có thể là nguồn của mỹ cảm. Nhiều nhà mỹ thuật tinh tú quả quyết rằng cái mỹ thuật tương lai không những gồm hết mấy cái mỹ thuật mà các nhà mỹ học đã thừa nhận, mà cái tác phẩm mỹ thuật tối cao còn phải làm vui cả ngũ quan. Ông Victor Basch, trong quyển «Essai critique sur l'Esthétique de Kant», có nói rằng ông đã đi xem một tuồng hát mà vài lúc người ta rải trên sân khấu những mùi thơm đặc biệt dặng làm cho mũi cũng thưởng thức cái đẹp với mắt và tai. Theo những nhà mỹ thuật và mỹ học ấy, ta nên cho rằng cái mỹ thuật tương lai là kịch bản.

Ít sang trọng hơn, hùng biện chỉ chiếm một chỗ trong văn chương, khít bên thi-văn. Nó với từ chương cùng vãng theo một

qui tắc, mà lại đuổi theo một mục đích riêng. Cũng dùng một thứ đá hoa lấy tại thành Carrare, nhà văn sĩ nắn hình thần Phoe-bus, eon nhà diễn giả, bình thần Mercure. Cái âm nhạc trong bài, diễn văn là âm-nhạc của câu văn chứ chẳng phải những bài âm-nhạc thật của các ông Mozart, Bethoven, Richard Wagner... Hùng-bien nhiều khi không cần đến nghệ thuật kiến-trúc, hội họa, điêu khắc ; một nhà diễn giả đứng ngoài trời là một chuyện 'hường bày ra trước mắt. Cái diễn đàn chẳng giúp cho diễn giả gieo tình cảm trong các linh hồn, và nếu nó có giúp đi nữa — như trong một đám ma hay trên tòa thuyết-giáo, — diễn giả phải tùy theo nó : trong đám ma, diễn giả phải buồn ; trên tòa thuyết giáo, người phải trang trọng. Ấy là chỗ mà kếp hát có phần lợi hơn diễn giả. Trước khi kếp hát ra sân khấu, những bức tranh cho ta biết chuyện sẽ xảy ra ở đâu và một hai khi nó vui hay buồn. Nhưng mấy bức tranh đó không bắt buộc kếp hát phải vui hay buồn theo nó ; bốn phận người là phải theo cái vai người đóng : dưới những tấm chăn đen diễn bạc, trước những tràng hoa cườm, gần cái quan tài, người cũng có thể vui cười.

Cái diễn đàn đòi chỗ mà không đòi quang cảnh ; nó chỉ là một cái bàn trên để một chai nước và một cái ly. Cái sân khấu trái lại, cũng thì một chỗ, trong một đêm, mà đòi bình dáng không biết mấy lần : ở đây ngón tay trở của nhà dàn cảnh linh nghiệm hơn chiếc đũa màu nhiệm của các bà tiên.

Khác hơn trên sân khấu, trên diễn đàn mỗi sự đều bất ngờ. Diễn giả không sao biết trước được thính giả sẽ phản động cách nào. Chỉ một hơi thở yếu ớt cũng đủ làm xao động làn không khí nơi diễn đàn. Có nhiều khi nhà diễn giả sửa soạn kỹ lưỡng, tài liệu đầy tay, bước lên diễn đàn, chắc chắn sẽ thành công, nhưng đó là sự thất bại. Có lúc người tình đi tới để nghe thôi và một chuyện tình linh buộc người dẫn mình vào cuộc tranh luận, mà người lại được hoan hô.

Trong kịch-trường, kếp hát là kếp hát, khán giả là khán giả. Nơi diễn đàn, mỗi thính giả đều có quyền đóng vai diễn giả.

Mặc dầu khán giả ngồi gần nhau và cùng một ý tưởng, cùng một tâm tình như thính giả, kếp hát không cần biết tâm lý quần chúng. Miễn là bộ tịch người, giọng nói người đúng theo vai tưởng của người. Một bài diễn văn hay là một hành vi. Thính giả luôn luôn sẵn lòng cụ thể những tình cảm mà diễn giả

gây ra. Trước diễn giả, thính giả biết rằng mình ở trước một thực tế. Vài khi, nhất là trong những khán giả bình dân, những tình cảm cũng nảy ra mạnh cho đến nỗi nó trở thành động tác. Ta thường nghe thuật rằng sau một tuồng hát bi tráng kia, người ta phải bảo hộ người kép đã đóng vai kẻ nịnh, vì khán giả rất lấy làm căm giận những việc tàn ác mà người kép ấy đã làm trên sân khấu và thay mặt cho thần Công lý, chúng nhất định trừ khử kẻ gian tà.

Tuy vậy, thường thường, khán giả, dầu bất tự giác cách nào cũng không thể quên rằng mình ở trước một ảo giác và mình cười hay khóc những chuyện hư không.

Diễn giả luôn luôn sợ thính giả không bằng lòng ; tùy theo vai tuồng, kép hát kêu gọi tình cảm khác nhau của khán giả : làm người trung gặp bước gian truân, người muốn cho khán giả thương hại ; đóng vai nịnh, người ước ao cho khán giả ghét bỏ, thù hiềm, nguyên rủa. Vả lại lúc hát, đèn chỗ khán giả đều tắt, kép hát không thấy cử chỉ và gương mặt của khán giả. Người diễn theo tâm hồn, trí não người: một vai hát là công việc của một mình kép hát. Bài diễn văn sanh ra bởi sự hợp tác của diễn giả và thính giả.

Ông Cicéron có than phiền về sự bất công mà diễn giả phải đưa lưng ra chịu, trong các nghệ thuật khác, một người tài ba rủi dở hơn ngày thường thì người ta đổ thừa rằng tính chất hay sức khỏe người bữa đó không cho người thi thố hết tài nghề người. Diễn giả mỗi lần nói là mỗi lần bị người ta phán đoán. Người ta trông người làm một chút dặng phản đối liền, dặng kiêu ngạo liền, dặng lập tức bỏ người vào hạng trí thức hẹp hòi rất lâu hay mãi mãi. Kép hát tránh khỏi cái nạn đó. Như người lỡ làm một bộ tịch sai, ai dám cho người là không thông nghệ thuật của bộ tịch.

Cái dư-luận thông thường là người kép hát, nếu có cảm động mời kêu gọi được mối thương tâm của khán giả : ông Boileau đã nói : « Muốn cho tôi rơi nước mắt thì anh phải khóc trước đã » (Pour me tirer des pleurs, il faut que vous pleuriez). Trong quyển « Paradoxe sur le comédien », ông Diderot nói nghịch lại. Ông quả quyết rằng kép hát, đương khi diễn trên sân khấu, phải có một tâm hồn bình tĩnh. Hai cái ý kiến đó đúng hay sai tùy theo người. Nhiều kép hát danh tiếng, diễn đi, diễn lại một bản tuồng, cũng còn tự gạt mình, cũng còn để vai tuồng

chiếm một phần hoặc tất cả linh hồn mình. Ông E. Delacroix chép rằng sau khi hát, nữ tài-tử La Malibran không biết hồi trên sân khấu cô đã làm sao. Theo lời ông Gsell, kếp hát Gémier đồng nhất với vai tuồng cho đến đôi khi màn đã hạ, người vẫn còn ở trong thế giới tưởng tượng.

Cũng thuộc về hạng tài tử này, những cô Dumesnil, Clairon, Sarah Bernard. Nhiều kếp hát lại chỉ cảm kích trong lúc người đọc hồn tuồng rần hiểu những mối thương tâm mà tác giả muốn tả ra, rần kiếm những giọng nói, những bộ tịch tiêu biểu một cách mạnh dạn những mối thương tâm đó, rồi đến khi ra diễn trên sân khấu không cảm động chút nào và cứ hát như mình đã suy nghĩ. Trong hạng này ông E. Delacroix kể cô tài tử La Pasta. Ông Diderot còn kể nhiều người khác nữa. Hai hạng này đều có chỗ dở. Muốn hoàn toàn, kếp hát phải bắt chước Calma. Trên sân khấu người phải cảm động thật mà phải biết tự chủ, phải biết sai khiến cảm hứng mình, phải biết phán đoán mình, dấu hể ngoài người cứ ra vẻ buồn mình theo cảm hứng.

Về tài hùng biện cũng vậy. Có nhiều diễn giả đương lúc nói, tìm đầy những tình cảm, nhiều người khác chỉ làm bộ cảm kích, và ông Got cũng khuyên chung diễn giả và kếp hát phải phân tách tâm hồn mình ra làm hai, nghĩa là trong lúc nói hay hát, nhà nghệ thuật phải để cũng như một cái lý trí đứng kể bên để xem xét những hành động của mình và xem xét cử tọa. Cái tự nhiên của diễn giả và của kếp hát không phải là cái tự nhiên ngoài đời, mà là cái tự nhiên trên diễn đàn, trên sân khấu. Muốn có vẻ tự nhiên, kếp hát đòi mặt diễn giả sửa bộ tịch mình.

Những cái hạnh-phúc hay cái thống khổ của kếp hát là cái hạnh phúc, cái thống khổ tưởng tượng, những giọt nước mắt mà kếp hát nhỏ trong rạp là những cái khóc mướn. Những tai nạn của què hương, những sự nguy hiểm cho mình vắn tắt: tấm lòng diễn giả và làm cho tuôn ra những lời lẽ hùng hồn cũng như một tiếng la tuyệt vọng bay nơi miệng của một ông Hoàng cầm kia khi thấy cha sắp bỏ mình dưới lưỡi gươm quân nghịch. Ông Vauvenargues đã nói: « Những tư-tưởng phi thường đều phát khởi từ tấm lòng » (*Les grandes pensées viennent du cœur*). Vì sợ vua Philippe nước Macédoine gác cái ách nô lệ trên què hương nên ông Démosthène mới thốt những bài Philippiques. Ông

Cicéron đọc những bài Verrine đặng tố cáo một ông quan cai trị lo làm đầy túi mình hơn là lo việc công ích.

Sau khi màn hạ rồi, kép hát có quyền quên hết những tình cảm hồi nãy, và trở lại sự sống bình thường của người. Có đào đại tài kia đóng vai Phèdre hay Roxane thật hay mà ngoài thành thị chỉ là một kẻ lòng sắt dạ đá. Trên sân khấu cô đào này là nàng Chiêu-Quân trinh-bạch; ngoài rạp hát, thấy cô, người ta buột miệng mà hát câu :

« Trồng trâu thả lợn đây liêu

Con theo hát bộ mẹ liêu con hư ».

Cái ưu thế, kép hát không cần, diễn giả phải có. Trên diễn đàn, ngoài thành thị, nơi nhà, diễn giả chỉ có một linh hồn. Hành-vi người phải đúng theo lời nói người. Trong cuốn « Dialogue sur l'Eloquence », ông Fénelon đã phê diễn cái ý đó. Người phải tránh xa những đũa Aristogiton. Nhờ ưu thế, nhà diễn giả khỏi bị vút vào phường con hát.

Muốn khỏi cái hình phạt đó, diễn giả cũng không nên trả thuộc lòng. Nếu người nói quá dễ dàng, nếu ngoài mặt người không lộ ra sự làm việc trong linh hồn, nếu trán người không chút nhăn, mày người không chút nhíu, thỉnh giả cho người lạ không thật, là đương đóng một vai tuồng. Diễn giả dùng trí nhớ để dựng những tác phẩm của mình hay để dựng những tài liệu cần ích cho sự ứng khẩu. Kép hát dùng trí nhớ để dựng y nguyên tác phẩm của người khác. Trừ ra khi nào người kiêm cả văn sĩ hay thi sĩ như các ông Molière, Shakespeare, Sacha Guitry v.v... người không cần phải phân trí thức của bốn tuồng, vì phần ấy tác giả đã kiểm sẵn. Người không hành động trong phạm vi tư tưởng, mà trong phạm vi hình ảnh. Người không quyền thêm hay bớt một chữ nào. Người chỉ dùng giọng nói bộ tịch để truy niệm những vai tuồng theo ý muốn tác giả : sự học của người, cảm hứng của người chỉ để diu dắc những giọng nói, những bộ tịch.

Thưở xưa, những kép hát Hy-lạp ngồi tập đọc lớn không biết mấy năm và, mỗi ngày, trước khi ra mắt công chúng, không quên nằm xuống thư tiếng mình lần lần từ giọng thấp tới giọng cao, rồi ngồi dậy hạ tiếng xuống từ giọng cao tới giọng thấp. Diễn giả cũng cần thiết đến giọng nói và bộ tịch. Nhưng công người luyện tập phần ngoài ít hơn kép hát. Người đề phần

lớn của chăm chỉ vào những lời, những ý. Người ta không thể tưởng tượng một nhà đại diễn-giả mà trí thức không khai hóa nhiều, nhưng người ta thường thấy nhiều người kếp hát danh tiếng mà ít học.

Người ta thấy nhiều nhà diễn giả đứng im đặng nói, mà người ta không thể tưởng tượng một kếp hát không bực nghệ thuật bộ tịch.

Kếp hát đem hết tài nghệ theo dưới mộ, diễn giả để lại bài diễn văn: «Ông Talma chết mất, ông Mirabeau chết phân nửa».

Đó là việc khó của diễn giả. Người phải chỉ cho thính giả thấy rằng người sáng tác những tư tưởng người nói: nghe người, thính giả phải công nhận rằng mình không ở trước một con hát, mà ở trước một động lực đủ sức chiến đấu cho cái thật, cái đẹp và cái phải.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN



PÉTAİN CÁCH NGÔN

A-ĐÔNG TRIẾT-LÝ HIỆP-GIẢI

Soạn-giả : ĐẶNG-THÚC-LIÊNG và HỒ VĂN-TRUNG

là một quyển sách có nhiều câu cách ngôn của Thống chế Pétain. Mỗi câu cách ngôn ấy đều có câu triết lý của bậc Thánh Hiền Á Đông chiếu đối bằng Hán văn, Việt văn và Pháp văn. Lại cũng có lời phụ giải chung, thật rõ ràng.

Sách in khéo, bìa đẹp, khổ lớn, giấy tốt

dày 120 trang, Giá :	Giấy thường	1 \$ 50
	Giấy tốt	3 00

Mua sĩ sách và tiểu thuyết có huê hồng nhiều, xin thương lượng với : **HỒ-VĂN KỶ-TRẦN**

Quản lý Nhà xuất bản « **ĐẠI VIỆT** »

5, Rue de Retms — SAIGON

« KHẢO-LUẬN VỀ KIM-VÂN-KIỀU » CỦA ĐÀO-DUY-ANH



NHON đọc « Khảo luận về Kim-Vân-Kiều » tôi nhớ đến một phương pháp phê-bình mà tôi chưa có dịp nói.

Hai năm về trước, khi phê-bình nhà thi-sĩ quá cổ Hàn-Mạc-Tữ, ông Trần thanh-Mại cho đọc giả biết rằng « ông đã dùng những phương pháp mới, xưa nay chưa từng có trong lịch-sử văn học Việt-Nam, ông đã phân tích ra từng chữ chỉ, từng tánh tình của nhà thi-sĩ, từng giai thoại trong đời người. Những cái ấy mà bề ngoài tưởng như vô bổ ích, và chỉ để kéo cho dài dòng, tựu trung đều ăn nhip với nhau như những vòng của một sợi giây chuyền để mà ảnh hưởng đến cái đích của người viết sách muốn đi tới : cắt nghĩa thi phẩm của nhà thơ.

Ông nhận thấy trong những công việc khảo cứu như loại ông đang làm, có ba nguồn ảnh hưởng to tác cần phải xét cho ra ngọn ngành. Ấy là ba cái ngôi bất di bất dịch : trời, đất, người bao giờ cũng chính nó chi phối cho sự hưng vong của mọi sự nghiệp, và nó hơi giống cái thuyết tam tài của nền triết học Đông-phương.

Khảo cứu về đời thi sĩ Hàn-Mạc-Tữ, ông phải xét rõ thời đại chàng đã sống qua. Ông phải viếng các xứ chàng đã ở và sau cùng ông phải hỏi tất cả các người có liên lạc đến đời chàng và ông nhận rằng học giả Tây-phương tựu-trung cũng không hành-động ra ngoài phương pháp ấy » (1).

Một năm sau, chủ ý làm sáng phương-pháp nghiên-cứu và phê-bình văn-học này — phương-pháp khách-quan — ông Nguyễn Bách-Khoa cho ra cuốn Nguyễn-Du và truyện Kiều (2).

Cái phương-pháp mới này đem lại cho nhà phê-bình Hippolyte Taine năm 1853 bằng tấn-sĩ khoa văn-chương với quyển « La Fontaine et ses fables » của ông. Đó là một quyển sách phê bình mà lần đầu tiên, trong ấy, tác giả thử đem ra ứng dụng cái

(1) Xem nguyên văn tựa sách « Hàn Mạc Tữ » trang IV, V.

(2) Nguyễn Du và truyện Kiều của Nguyễn-bách Khoa, trang 336.

phương-pháp mà hai ông Trần-thanh-Mại và Nguyễn Bách-Khoa đã tuyên bố long trọng trên kia.

Chúng tôi tưởng ông Nguyễn-Bách-Khoa-bây giờ chỉ là dùng phương pháp kia của H. Taine để giải phẫu nhà thi hào Nguyễn-Du và phân tích thi phẩm truyện Kiều để phơi ra ánh sáng cả tác giả và tác phẩm cốt để mọi người cùng biết những điều chưa biết chứ không phải bằng quyền sách của ông, ông làm sáng một phương pháp phê bình mà đã có người làm sáng rồi : Taine !

Người làm sáng phương pháp kia là Taine.

Người áp dụng phương pháp ấy là Nguyễn-Bách-Khoa.

Chúng ta không nên đảo lộn trật tự của các đối tượng !

Người tìm ra Tân thế giới là Christoph Colomb. Những kẻ đến sau. C. Colomb đặt chơn trên giải đất tân thế giới quyết không phải là kẻ tìm ra Tân thế giới !

Phương pháp phê bình hiển như nghĩa đã kể trên có giá trị gì không ? Rõ là một câu hỏi ngờ ngẩn ! Nếu không giá trị gì, sao nó đem lại cho H. Taine bằng tấn sĩ ? Chúng tôi có thể nói là một phương pháp hay nhưt, khoa học nhưt, nhưng hay là chỉ khi nào người ta biết áp dụng nó một cách điều độ.

Ông Nguyễn Bách Khoa bắt đầu công việc nghiên cứu « bằng sự hiểu biết theo lối khoa học », « cố gắng áp dụng óc khoa-học » « bằng phương pháp khoa học ».

Ưa người nào lắm, tấn sự phán đoán của mình về người ấy có vẻ thiên-vị. Chỉ tin ở một thuyết nào, lời nói của mình tất có vẻ độc-đoan. Bình sinh, ông Nguyễn vẫn tin rằng bất cứ vấn-đề gì cũng là một vấn đề « toán pháp » (1) (Khoa - học).

Ông độc đoán.

Khoa học tự phụ giải quyết và soi sáng tất cả mọi vấn-đề nhưng cũng ở nhiều trường hợp, không giải quyết gì được cả.

Có người đã nghĩ như vậy không phải là sai. Tác phẩm của ông Nguyễn chứa đựng nhiều điều quá mới về Nguyễn-Du và Kiều. Ông đi trước thời đại chăng ? (thời đại ở đất Việt). Hay là vì quá tin theo khoa học, ông lại gán cho Nguyễn Du những tánh tình kỳ oặc mà nhà đại thi hào này không có ?

..

Cái phương pháp phê bình nói trên, nay tôi gộp lại nữa ở chương đầu sách « Khảo luận về Kim Vân Kiều » của ông Đào Duy-Anh : tiểu sử Nguyễn Du phân ra : quê quán, dòng họ, thời thế, hành trạng và văn nghiệp.

(1) Nguyễn-Du và truyện Kiều. trang 336.

Ở đây, tác giả áp dụng phương pháp phê bình khoa học có tiết độ hơn và chỉ ở một phần nhỏ quyển sách.

Vậy nói đến « Khảo luận về Kim Vân Kiều », người ta ít nghĩ đến phương pháp phê bình của tác giả, mà chỉ chú ý về lời giảng ở các chương hơn.

Truyện Kiều như một viên đá quý có nhiều mặt.

Chúng tôi tưởng có lẽ những bài hoặc phê bình, hoặc nghị luận tán mạt trên các báo từ Nam Phong cho đến Ngày Nay có nói đủ về các mặt ấy. Nên khi đọc quyển này, tôi thấy có chỗ tựa tựa như lời thầy giảng hồi còn ở học đường, hoặc một chương, một tiết của quyển sách bắt tôi nhớ đến một bài báo nào. Nói thế không phải là chối cãi công trình khảo luận của ông Đào và cái phần đặc sắc của công trình ấy, nhưng tôi muốn nói rằng bàn đến Kiều tức là bước vào một con đường mòn.

Đọc giả « Khảo luận về Kim Vân Kiều » khỏi phải sợ người ta dắt vào con đường mòn mà vội chán. Con đường mòn ở đây chỉ có một phần, mà dọc hai bên bờ thính thoảng có một vài cụm hoa thơm và dăm dăm cỏ lạ : Nhân-vật, văn-chương (I) và (II), Tư tưởng của Nguyễn-Du. Con đường mới là : Tiểu-sử Nguyễn-Du. Lai lịch sách đoạn trường tân thanh, từ Kim Vân Kiều truyện đến Đoạn trường tân thanh, địa-vị sách Đoạn trường tân thanh trong tư tưởng và văn chương Việt Nam. Nguyễn-Du viết Đoạn trường tân thanh vào lúc nào.

Muốn biết giá trị mấy chương sau này (mà tôi cho là mới) thì ít nữa phải có bên tay những sách mà tác giả đã lấy làm tài liệu, mới dễ bề đối chiếu. Không biết thì dựa cột mà nghe. Tôi đành chịu vậy và chỉ dám trưng lên đây một vài số kiến của tôi khi đọc đến chương « Văn-chương ».

Ở trang 154, có đoạn : « Nguyễn Du khéo dùng nhất là những tiếng đôi và lập láy là thứ tiếng hình dung có một địa-vị rất trọng yếu trong ngôn ngữ ta. Xem đoạn tả cảnh du-xuân, nhờ những chữ « dập dìu », « ngồn ngằng », « tà tà », « thơ thẩn », « thanh thanh », « nao nao », « nho nhỏ », « sè sè », « dàu dàu », mà bức cảnh thành hoạt động hiết bao nhiêu ».

Ông Đào cho rằng nhờ chữ dập dìu mà bức cảnh thành hoạt động. Đúng lắm. (Đọc chữ dập dìu, người ta tưởng thấy kẻ qua người lại đông đảo). Nhưng nếu ông bảo rằng mấy chữ ngồn ngằng, tà tà, nao nao v. v... cũng làm cho bức tranh thêm hoạt động, thì chúng tôi khó nhận lắm.

Chúng ta cùng chận khó đọc lại đoạn ấy :

Dập diu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Ngồn ngàng gò đồng kéo lên,
Than vàng vó rắc tro tiền giấy bay.
Là ta bóng ngả về tây.
Chị em thơ thẩn dan tay ra về ;
Bước lần theo ngọn tiền khe ;
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang ;
Sè sè nấm đất bên đường,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Trong bức tranh này, ngoài chữ dập diu cho ta thấy sự động (mouvement), mấy chữ kia (có tất cả 8) đều chỉ sự tĩnh.

Nguyên tố động ít hơn tĩnh với tỉ số 1-8, vậy thì bức tranh nói đó không thêm phần hoạt động được vì nhờ mấy chữ «tĩnh» nhưng ngược lại, mấy chữ này chỉ cốt để làm buồn thêm mà thôi. Mà chính đó mới là tánh cách những tiếng lấp láy dùng ở đây (chúng tôi không nói tiếng đôi) : tánh cách buồn, và cũng là cái ý của Nguyễn-Du. Cảnh ấy phải buồn, vì «là chỗ mà Thúy Kiều sẽ gặp Kim-Trọng, rồi mới thành mối khổ tình». (Phần tả cảnh trong văn Nguyễn-Du là phần phụ thuộc để giúp cho phần tự thuật hay phần tả tình được linh hoạt thêm. Trương 126). Chính tác giả cũng có nhận trước kia rồi. «Nhân tảo mộ về, chị em Thúy-Kiều đi qua mộ Đạm-Tiên thì tác giả lại tả cảnh ấy bằng sáu câu thơ (1) khiến ta thấy bao vẻ thê lương của cái mồ hoang thấp lè sè, rầu rầu sắc cỏ, như một điểm ảm đạm giữa cái cảnh thanh tao « nao nao dòng nước uốn quanh, nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang » (trương 125).

Đã ở trương 125, tác giả thấy vẻ thê lương nhuộm sáu câu thơ (có những chữ thanh thanh, nao nao, nho nhỏ, sè sè, dầu dầu), sao ở cách đó vài mươi trương, tác giả lại thấy nó hoạt động ?

Thê lương và hoạt động không thể dung hợp nhau được.

Tác giả tự mâu thuẫn như thế là vì ở trương 125, cả đoạn tả cảnh của Nguyễn-Du được phân tách ra minh bạch.

1) Cảnh du xuân nào nhiệt ;

Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.

(1) Bước lần..., nửa vàng nửa xanh.

*Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.*

2.) Cảnh tảo mộ ngồn ngang :

*Ngồn ngang gò đồng kéo Iên,
Than vàng gió rắc tro tiền giấy bay.*

3.) Cảnh tảo mộ thê lương, ảm đạm, khi về qua mả Đạm Tiên :

Tà là bóng ngả về lây.

Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Nếu lúc khảo về cách dùng chữ, dùng tiếng của Nguyễn-Du, tác-giã cũng phau đoạn này ra từng cảnh nào nhiệt, ngồn-ngang và thê lương ảm đạm, như lúc khảo về văn tả cảnh, đề tri tánh cách của tiếng đôi và tiếng lấp láy, tất tác-giã cũng phân biệt rằng :

1.) Dập-dìu (tiếng đôi) chỉ cảnh nào nhiệt, hoạt động,

2.) Ngồn ngang (tiếng đôi) chỉ cảnh hỗn độn, vô trật-tự,

3.) Tà tà, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ, sè sè, dầu dầu (tiếng lầy láy) chỉ cảnh thê lương, ảm-đạm.

Vì chơn, lúc khảo về cách dùng tiếng, dùng chữ, tác giã bao quát cả đoạn, nhập chung lại hai tánh cách ngồn ngang và thê lương vô để làm một với nào nhiệt, tức là hoạt động, nên mới có câu « nhờ những chữ « dập dìu », « ngồn ngang », « tà tà », « thanh thanh », « nao nao », « nho nhỏ », « sè sè », « dầu dầu », mà bức cảnh thành hoạt động biết bao nhiêu ».

Cũng ở chương « Văn chương (II) » ấy, trang 156, chúng tôi đọc : « Nhân ngôn ngữ của ta có nhiều tiếng vi, tiếng tỷ dụ — nhất là trong ngôn ngữ của bình dân — cho nên các thi sĩ nước ta, như là Nguyễn Du, hay dùng những lời bóng bẩy. những chữ tỷ dụ. Muốn chỉ thân phận lưu lạc của người con gái thì nói « phận bèo », « hoa trôi bèo dạt » hay « nước chảy hoa trôi » ; muốn chỉ nhan sắc người con gái đẹp thì nói « mai cốt cách, tuyết tinh thần », « sương in mặt, tuyết pha thân ».

Đã đành Thúy-Kiều và Thúy - Vân là đẹp. Nhưng duy chỉ một câu « mai cốt cách, tuyết tinh thần » không đủ cho ta thấy vẻ đẹp của hai hàng Thúy. Với câu ấy, Nguyễn-Du chỉ mới cho người ta thấy cái hình dáng chung (silhouette) ở xa của hai nàng mà thôi. Nói một người đẹp, tức là nói gương mặt người ấy đẹp. Ở đây, chúng ta chưa thấy mặt người « mai cốt cách, tuyết tinh thần » thì không thể nào bảo rằng câu này chỉ nhan sắc người

con gái đẹp được. Câu này giúp cho chúng ta đoán người con gái đẹp thì có chứ chỉ thì không,

Cần phải xem gần mới thấy rằng Vân:

« ... trang trọng khác với

Khuôn trắng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.»

Đó, bốn câu đó mới chỉ nhan sắc người con gái đẹp. Nhan sắc của mặt chứ không phải nhan sắc của thân.

Câu chuyện người con gái đẹp chưa hết đâu, còn nữa, không Thúy Vân hay Thúy Kiều mà là Đạm-Tiên.

Trong truyện Kiều, lần thứ nhất, chúng ta được biết nàng Đạm Tiên là do ở Vương Quan :

« Nàng ấy xưa là ca nhi ;

Nổi danh tài sắc một thì.

Xôn xao ngoài cửa thiếu gì yến anh ».

Chúng ta biết Đạm-Tiên đẹp ở chữ tài sắc và nghĩa của câu bát kể tiếp đó và ở chữ tiểu kiều (trong câu một đoạn sau :

Thoạt đầu thấy một tiểu kiều).

Không nhờ đó thì làm sao biết được câu « Sương in mặt, tuyết pha thân » (âm chữ Đạm-Tiên) chỉ nhan sắc người con gái đẹp? Mặt và thân có sương in, tuyết pha thì vẽ mặt lờ mờ còn rõ rệt gì nữa mà bảo câu trên chỉ người con gái đẹp hay xấu? Vì, tỷ dụ như Đạm-Tiên là một người con gái xấu xa, mắt lé, trán trợt, môi sứt, Kiều nằm mộng cũng có thể thấy nàng « sương in mặt, tuyết pha thân » vậy. Câu này chỉ một người thấy trong mộng vậy thôi.

Câu chuyện người con gái đẹp đến đây mới hết.

Một vài hột bụi này không đủ làm mờ công trình trứ tác của ông Đào-đuy-Anh. Và, đứng trước mỗi sản phẩm tinh thần của ông, là mỗi một tài liệu quý giá cho văn học nước nhà, chúng tôi chỉ biết nghiêng mình để tỏ dấu cảm phục sự cặm cụi của nhà học-giả ấy.

Viết bài «tủn mủn» này, chúng tôi không có ý gì khác hơn là muốn cho các học sinh khỏi lầm phải chỗ sơ xuất nhỏ mọn của ông Đào, vì sách «Khảo luận về Kim-Vân-Kiều», tác giả nó có «tặng cho các học sinh trường Thuận hóa, và rộng hơn, cho các học sinh đương muốn tìm cái hứng thú để nghiên cứu quốc văn.»

Được quyền sách này trong tay, chúng tôi tưởng các học sinh không ước gì hơn thế nữa.

HƯƠNG-TRÀ

GOC-TICH NGU'O'I VIET-NAM

VIII. — KẾT LUẬN



À cầm hoa tiêu cho lịch sử người Việt Nam đời thượng cổ, nay thử do đó mà tìm lại cái lịch sử ấy. Hoa tiêu không thể cầm gần nhau được, nên chỉ biết đại khái mà thôi.

Vào thế kỷ XXX trước Thiên-chúa, đã thấy Hán tộc ở dọc theo sông Hoàng hà. Còn lưu vực sông Dương-tử thì có dân bản thổ : bên bờ sông phía bắc là những dân *Miêu* và *Man*, bên bờ phía nam, vùng hồ Động-dinh và Poiên-dương là dân Việt, tổ tiên của người Việt Nam, ở rải rác đến dãy núi Ngũ-lãnh.

Bấy giờ, các dân ở lưu vực sông Dương-tử đương ở trình độ xã hội canh nông. Có lẽ nhờ một người trong hàng quý tộc dân Việt, mà sự trồng tĩa và khai khẩn ruộng đất được phát đạt nên sau, dân nhờ ơn mới thờ người ấy làm vị thần nông.

Dân Việt, Miêu và Man tuy không phải đồng một chủng tộc, nhưng chắc các dân ấy đều ở dưới quyền một nhà quý tộc thuộc về dòng dõi Thần-nông. Người cháu ba đời của Thần-nông, đi tuần thú phương nam, đến Ngũ-tảnh gặp một nàng con gái đẹp như tiên, bèn ăn ở cùng nàng ấy, được một người con trai đặt tên là *Lộc-Tục*. Sau vua phong cho con trưởng làm vua dân Miêu và Man phía bắc sông Dương-tử, và phong cho Lộc - Tục làm vua dân Việt phía nam, nghĩa là ở đất *Kinh* và *Dương*, quốc hiệu là *Xích-quĩ*. Bấy giờ nhằm thế kỷ thứ XXIX trước Thiên-chúa.

Đất Xích-Quĩ đang trải qua thời đại phong-kiến, nghĩa là chia ra nhiều nước, hay nói đúng hơn, chia ra ba nước như đã thấy ở thiên *Vũ-cố* trong kinh *Thư*. Trong ba nước ấy, vùng hồ Động-dinh là một. Vua *Kinh-Dương* cưới con gái vua hồ Động-dinh là *Long-nữ*, được một người con là *Sùng-Lãm*, nối ngôi làm vua, xưng là *Lạc-long-quân*. Vua *Lạc-long* cưới con gái của vua một nước láng giềng, họ *Âu*, nàng *Âu-cơ*. Đến đây ta gặp một thời kỳ khuyết sử. Ngày sau, như đã nói trong một bài trước, khi thế lực Hán-tộc tràn xuống phía nam ngang qua nước *Sở*, thì xứ

Xích-Quỉ có 100 nhà quỉ tộc, đều xưng là dòng dõi của vua Lạc-long và Âu cơ.

Vào thế kỷ thứ XXIV trước Thiên chúa, trong ba nước đã nói ở trên, có nước Việt thường mà kinh đô nhằm phía nam hồ Phiên dương, trở nên cường thịnh, và có lẽ làm bá bệ vùng hồ Phiên dương và Đông đình. Năm 2352 tr. T.C. có sai sứ sang cống cho vua Đế Nghiêu một con rùa lớn, và năm 1109 tr. T. C. có sai sứ đem chim trĩ sang cống cho vua Thanh vương nhà Châu.

Dân Việt đã ở vào trình độ văn minh khá cao. Lâu rồi, họ đã tổ chức thành một nước có trật tự, từng sai sứ giao thiệp với người Hán tộc. Bằng cử ở thiên Vũ cống trong kinh Thư (XXII tr. T. C) : họ đã biết làm ruộng, biết dệt vải và tơ lụa, họ biết dùng đồ kim khí.

Chắc hẳn dân Việt cũng có chữ viết, nhưng nay ta không được biết mà thôi. Xem như nhiều bộ lạc đã mất phía nam nước Tàu ngày nay cũng có chữ viết nữa thay, huống chi là dân Việt đã tổ chức thành nước có kỷ cương.

Năm 1903 cố đạo Wiegner xét trong cổ tự của người Tàu, thấy có nhiều hình tượng thực vật và động vật thuộc về miền xứ nóng, nên nghĩ rằng người Tàu không phải nguyên thủy ở phía tây mà di dân qua, trái lại, họ ở phía nam tiến lên phía bắc. Năm 1917 ông bỏ thuyết ấy, vì thấy rằng sự thật thì Hán tộc ở lưu vực Hoàng hà tiến xuống phía nam. Gần đây ông A. Forke, người Đức, khảo sát cổ tự, lại nhận thuyết cho rằng Hán tộc gốc tích ở phía nam. (1)

Thiết tưởng nên giải thích cái tính cách phía nam của cổ tự ra như vậy : là văn minh của Hán tộc, chứ không phải người Hán-tộc khởi phát ở miền nam. Thế thì cổ tự của người Tàu, không phải chính họ bày ra, mà có lẽ họ mượn của dân phía nam đã văn minh trước. Biết đâu chẳng phải là của dân Việt ? Dầu sao đi nữa, nói rằng người Việt xưa kia có chữ viết, không phải là quá đáng vậy.

Dân Miêu và Man, phía bắc phải chống chọi nhiều phen với Hán-tộc, nên có lẽ đường tiến bộ phải bị trở ngại. Trái lại, dân Việt nhờ con sông Dương-tử rộng lớn (có chỗ bề ngang hơn hai ngàn thước) làm giới hạn tự nhiên, nên được yên ổn hơn, và nhờ đó mà tiến hóa hơn.

Thế kỷ thứ XII trước Thiên-chúa, trong hạng quý tộc, có người tên là *Hùng Dịch* thân phục được dân Miêu và Man, miền sông Hán chảy vào sông Dương-tử, tổ chức thành một nước quan trọng mà người Tàu gọi là Kinh-man, đóng đô ở Đan - Dương gần thành Nghi-Xương (Itchang) ngày nay. Đến đời vua *Hùng-Cử* (887-877 tr. T.C.) thì nước Kinh-man trở nên mạnh hơn các nước lân cận *Hùng-Cử* bèn đem binh đánh lấy nước *Đông* và *Dương Việt*, nghĩa là Việt đất *Dương*, tức là *Việt Chương*, trước kia là *Việt thường*. Luôn dịp đánh nước *Ngạc*, lối chỗ thành *Vũ Xương* (Ou-tchang) tỉnh Hồ-bắc ngày nay. Rồi *Hùng-Cử* phong cho người con lớn là *Khang*, ở đất *Cú-Đản*, người con thứ hai là *Hồng* ở đất *Ngạc*, và người con thứ ba là *Chấp-Tý* làm vua *Việt chương* (2). Đó là nguyên nhân của chữ *hùng vương* trong truyền thuyết của ta.

Dân-Việt lâu nay sống trong cảnh thái bình, không quen chinh chiến, nên không chống nổi với dân Kinh-man, khiến phải thua. Dân số càng ngày càng đông, người Việt có lẽ tràn ra khỏi thổ địa buổi đầu. Phía bắc có dân Kinh man mạnh mẽ. tất nhiên người Việt phải tiến xuống nam, một đảng thì qua khỏi dãy núi nam lãnh, một đảng thì đi dọc theo bờ biển nam hải, gặp lại với nhau ở đất Quảng đông Quảng tây, sau gọi là *Bách-Việt*. Người *Thổ* ở hai tỉnh ấy ngày nay là con cháu của dân *Bách Việt* vậy. Hiện nay họ còn nói thứ tiếng loại tiếng Việt, như chúng ta đã thấy ở bài trước.

Từ vua *Chấp-Tý* trở về sau, lịch sử nước *Việt thường* ra làm sao ? Có lẽ cũng lúc thịnh lúc suy. Vào năm 581, trước Tây lịch, có sự thay ngôi đổi chúa như thế nào ? Không biết được, nhưng có người thuộc về dòng dõi *Chấp-Tý* lên ngôi nước *Việt-thường* xưng là *Hùng vương* thứ nhất. Người Việt, bấy giờ, ở dọc theo bờ biển Nam-hải và nam ngạn sông Dương - tử cho đến hồ Động-dinh ; họ đều có vẻ mình cho nên cũng gọi là *văn lang*.

Bấy giờ nước *Sở*, trước kia là Kinh-man, trở nên cường thịnh và theo văn hóa Hán-tộc (3). Nước *Sở* muốn bành trướng xuống phía Nam, vượt qua sông Dương-tử. Càng ngày lực lượng của nước ấy càng trở nên nguy hiểm cho nước *Việt-chương* tức là *Việt-thường*.

Thế rồi một ông vua *Hùng* bèn thiên đô qua đất *Thiệu hưng*, tỉnh Triết giang, quốc hiệu là *U-Việt*. Đến đời *Hùng vương* thứ

VI mà người Tàu gọi là Câu-Tiền (496 tr. T. C.) nước Việt nhờ thôn tính nước Ngô mà trở nên một cường quốc làm bá Trung hoa. Đế quốc Việt, bấy giờ phía bắc lên đến gần tỉnh Sơn đông, phía tây gồm đất Việt thường, phía nam giáp nước Hồ-tôn.

Sau khi vua Câu-Tiền mất, thì đế quốc ấy bị chia ra nhiều nước nhỏ cho con cháu. Tân phía nam giáp với Hồ-tôn thì có đất Lạc Việt phì nhiêu. Một người con của vua Câu-Tiền, được phong ở đất Lạc Việt ấy, xưng là *Hùng vương thứ VII*, hoặc vì lẽ là con trưởng, hoặc vì có ý dòm ngó các nước Việt ở phía bắc nên xưng như vậy để tỏ ý là vua chính thức của dân Văn-lang. Điều đó cũng là tự nhiên lắm. Chính như khi ông Nguyễn Hoàng đi trấn đất Thuận hóa, thì cũng có ý độc lập để gây dựng cơ nghiệp về muôn đời, và biết đâu chẳng có cao vọng thống nhất nước Việt.

Đến đời Hùng vương thứ XVIII, phía bắc Lạc-Việt có nước Âu-Việt. Vua Thục-an-dương nước này thừa cơ hội tốt đánh lấy nước Lạc-Việt, nhập hai nước lại làm một gọi là Âu-Lạc. Dân hai nước đều là người Việt cả. Thật vậy, cho nên ngôn ngữ mới giống nhau: con gái vua Hùng-vương thứ XVIII tên là *Mị-nương*, còn con gái vua An-dương tên là *Mị-Châu*, đều có chữ *Mị* cả. Ấy là một bằng chứng rằng dân Âu-Lạc tuy do hai nước nhập lại, nhưng cũng vẫn là người Văn-Lang, tức là người Việt.

Tóm lại tổ tiên người Việt Nam vào thế kỷ thứ XXX trước T. C. ở theo bờ phía nam sông Dương-tử; thế kỷ thứ XXIV và XII trước T. C., nước gọi là Việt-thường có giao thiệp với Hán-tộc; thời xuân thu chiến quốc nước gọi là U-Việt có từng tranh bá với Trung quốc. Một số đông người Việt đã bị nhập vào Hán tộc, và một ít còn sống ở miền rừng núi, nên ngày nay, chỉ có người Việt nam là đại biểu đích đáng hơn hết cho chủng tộc Việt mà thôi.

Sự nhận thấy của chúng tôi về gốc tích người Việt - Nam là như vậy đó. Tưởng, không cần chi biện luận dông dài, nội một cái lý đương nhiên: nó cũng đủ buộc ta phải nghĩ như thế.

Theo các nhà bác học khảo sát hài cốt tìm được trong các lớp đất, thì những chỗ còn di tích của đời thái cổ và thượng cổ, toàn là di tích của giống *Mé-la* (*Mélaésien*) và *Mã-ai* (*Indonésien*) không chỗ nào có dấu vết của giống da vàng (giống Mông cổ). Mà người Việt-nam thuộc về giống sau này. Thế thì phải

cho rằng người Việt nam đến xứ Bắc kỳ sau hai giống Mê - la và Mả-lai kia.

Người Việt-nam ở đâu mà đến? Một là ở miền Tây-tạng, hai là ở đông-nam nước Tàu. Nhưng xét về phương diện ngôn ngữ, phong tục, địa dư, thì không thể ở Tây-tạng được. Tất nhiên phải ở đông nam nước Tàu. Mà ở vùng ấy là những dân Bách-Việt. Vậy thì người Việt nam thuộc về chủng tộc Việt.

Thế mà có người bảo rằng người Việt-nam là tạp chủng ! Nếu *tạp chủng* nghĩa là không thuần-túy thì trên hoàn cầu này có dân nào là dân không tạp chủng ? Còn nếu *tạp chủng* nghĩa là *lai* cho đến nỗi không còn biết thuộc về chủng tộc nào, thì ta cần phải bàn lại. Trước hết ta phải tự hỏi coi lai mấy phần trăm, và lai giống nào với giống nào ?

Người Việt nam có thể do giống Việt nghĩa là giống Mông-cổ lai với giống Mả lai (Indonésien). Nhưng hiện nay các nhà bác học đều sắp người Việt nam vào giống Mông cổ, tất nhiên còn nhận được người Việt nam về chủng tộc nào. Thế nên không có quyền nói *tạp chủng*.

Có lẽ người ta nghĩ rằng dân Việt đến Bắc kỳ là bôn xứ của giống Mả lai, tất nhiên phải có lai với giống ấy. Nhưng người ta quên phân biệt lai nhiều hay ít.

Thử nghĩ xem. Người Bắc kỳ là Annam. Người Bắc kỳ theo chúa Nguyễn di dân vào Trung kỳ là xứ sở của người Chăm, chắc hẳn có lai với người Chăm. Người Trung kỳ còn là Annam chăng ? Rồi người Trung kỳ di dân vào Nam kỳ là đất của Cao miên, tất nhiên có lai với người Cao miên. Người Nam kỳ còn là Annam chăng ? Người Nam kỳ đã bị lai hai lần, mà còn nói được là Annam như người Bắc kỳ, thế thì người Bắc kỳ chỉ mới bị lai có một lần (Việt và Mả lai) mà không thể nói là người Việt, chẳng là mâu thuẫn lắm ru ! Huống chi các nhà bác học đều cho rằng người Annam thuộc về giống Mông-cổ chứ không phải về giống Mả lai.

Nói tắt một lời : tổ tiên người Việt nam ngày nay là người Việt thời xuân thu chiến quốc, và cũng là người Việt thường thế kỷ thứ XXIV trước Thiên-chúa.

LÊ-CHÍ-THIỆP

(HẾT)

(1) *La civilisation chinoise* par Marcel Granet, p. 75.

(2) Hiong-K'iu sut se concilier au plus haut point l'amitié

de la population qui habitait entre le Kiang et la (rivière) Han ; il entra alors en campagne, attaqua (les localités de) Yong (aujourd'hui sous-préfecture Trúc-Son, préfecture de Yun-yang, province de Houpei) et Yang-Yue (faisant partie de l'ancienne province de Yang mentionnée dans le tribut de Yu) et arriva jusqu'à Ngo (sur le territoire de la sous-préfecture actuelle de Ou-tch'ang, province de Houpei).—*Mémoires historiques*, tome IV, p. 340.—Hong K'iu établit son fils aîné K'ang, roi de Kiu tan ; le second Hong, roi de Ngo ; le troisième Tche-Tché roi de Yue-Tchang. (*Histoire du Royaume de Tch'ou* par le P. Albert Tschepe, p. 10).

(3) Hai nước Sở và Tân hường lại bị xem là Man-Di : vì muốn chen vai thích cánh với các nước văn vật ở trung-nguyên, nên đua nhau trọng nhân tài của Hán-tộc (như Bách - lý - Hề, Thương Ưởng). Bởi thế các dân tộc từ lưu vực Trường - giang đến thượng du Hoàng-hà đều bị Hán-tộc đồng hóa. (*Trung hoa sử cương* của Đào-duy-Anh, tr. 49.)

L. C. T.

Cáo lỗi độc-giả

Số « Đại-Việt » đáng lý đã xuất bản hôm 1er Aout, nhưng đến nay mới ra được, là vì nạn khanh giấy, xin liệt qui độc-giả hãy rộng tình tha thứ cho.

Chúng tôi đã tìm mua được giấy để cho ra số này.

Đại-Việt số 21 đề ngày 16 Aout sẽ xuất bản nội trong tuần tới đây và có lẽ từ nay trở đi Đ. V. T. C. sẽ khỏi phải ra trễ kỳ nữa.

Ty Quãn-lý Đ. V. T. C.

NHÀ VIẾT TIỂU-THUYẾT



Ý trước nói tới thi sĩ tôi đã cho họ siêu thoát lên khỏi cảnh lầm than của xã hội. Họ bận với trăng, với gió, với non nước, với cỏ cây, với không gian bát ngát, với vũ trụ bao la.

Nhưng tôi đã làm một việc độc đoán vì thiếu gì thi sĩ không chịu sống trong cái địa hạt riêng biệt đó mà lại thích trà trộn với người đời để tìm hiểu tình cảnh và tâm hồn nhơn loại.

Thi hào Victor Hugo đã từng viết :

« Con mắt tinh thần không thấy ở đâu nhiều hơn là ở người ta những ánh sáng lộng lẫy và những khoảng mờ tối mịt-mà.

« Nó không thấy một cái gì có thể ghê gớm hơn, lộn xộn hơn, bí mật hơn và minh mông hơn nữa.

« Có một cảnh tượng to hơn biển, đó là trời. Có một cảnh tượng lớn hơn trời, đó là nội tâm của người ta » (1).

Mà phải :

Sông sâu còn có kẻ dò,

Lòng người nham hiểm ai đo cho cùng.

Vậy mà vẫn có một hạng người chuyên môn đo lòng người đó.

Hạng người ấy không phải toàn nhiên là thi sĩ vì thi sĩ phần nhiều có cặp cánh muốn bay bổng tuyệt mù nên phần nhiều không chịu dễ mải vào cảnh đời thực-tế.

Duy có những nhà văn viết tiểu thuyết mới thiệt là những người đứng giữa trần ai để cấu tứ mà viết ra « tấn kịch có trăm hồi thay đổi ».

Ra đường ta hay sợ có kẻ rình mò để giựt đồ hay móc túi của ta. Nhưng ta không dè vẫn có những người thỉnh thoảng để mắt rình mò ta một cách ân cần tỷ mỉ lắm.

Họ không có ác tâm làm hại ta đâu. Nhưng họ để ý đến từng cử chỉ một của ta. Họ để ý đến nét mặt, điệu đi, đến câu nói, đến giọng cười, đến những hồi ta đặc ý tưng bừng, hay những lúc ta khóc thầm, nuốt lệ.

(1) L'œil de l'esprit ne peut trouver nulle part plus d'embrouillements ni plus de ténèbres que dans l'homme, il ne peut se fixer sur aucune chose qui soit plus redoutable, plus mystérieuse et plus infime. Il y a un spectacle plus grand que le ciel, c'est le ciel, il y a un spectacle plus grand que le ciel, c'est l'intérieur de l'âme.

Hoặc họ đã có sẵn đầu đề mà còn thiếu kiểu mẫu và khung cảnh, hoặc họ chưa có đầu đề, nhưng họ cứ sưu tầm tài liệu để dự trữ cho những lúc phải dùng sau, nhà viết tiểu thuyết luôn luôn có cặp mắt tò mò, mà cũng luôn luôn mang một khối nhiệt tình sôi nổi.

Trước kia có một nhà bác học nghĩ ra được một chất men. Nhưng ông còn phải thí nghiệm. Ông nung nấu với tất cả than củi ở nhà ông. Than củi hết, ông đốt cả bàn ghế vô lò !

Rồi giường, rồi nệm, rồi cửa, rồi ván, rồi hết thấy những vật chi có thể cháy được ông đều dùng để tiếp sức cho ngọn lửa vô tình để chờ cái giờ phút linh thiêng mà ông được thấy chảy ra chất men thần ai.

Nhà viết tiểu thuyết cũng vậy. Khi họ đã có một đầu đề thì tâm hồn họ là cả một cái lò lửa tung bùng. Hết thấy chàng đến đốt vô đó, không một chút tiếc thương ngần ngại.

Những tình yêu trong sạch, những mối hận thiết tha, những tâm sự kín đáo, những kỷ niệm đau thương, những kiến văn lãnh hội của người, những quan sát thấu được ở đời, nhứt nhứt họ đều cung cho ngọn lửa tàn bạo để chờ có một ngày họ có thể kết cấu được những nhơn vật linh động, không khác với người trong thiên hạ, nhưng vẫn giữ được cái cốt cách, cái tinh thần mà họ đã sáng tạo cho.

Ta vẫn có thể nói rằng mỗi người trong chúng ta đều có một bộ tiểu thuyết về thân thể của mình và lẽ có văn tài là đều viết ra được cả.

Phải. Bộ tiểu thuyết đó có thể hay lắm vì toàn là những cảnh ngộ đã từng trải, những đoạn đời đã từng sống, những tình cảnh thành thật và những lời nói thiết tha.

Nhưng muốn làm nên một sự nghiệp về tiểu thuyết, ta không thể chỉ trơ trọi có một bộ tiểu sử của mình.

Thành thật là một đức tánh của nhà văn, nhưng biết biến hóa mới là tay thợ tạo.

Tác giả chỉ là một người tiêu biểu cho một hạng người trong xã hội.

Nếu chỉ biết rõ đời sống của mình và giai cấp của mình thì không thể nào phong phú được.

Bởi vậy cho nên chàng phải sống nhiều đời sống khác nhau, dầu không sống thiệt tình thì cũng sống bằng tinh thần, bằng tưởng tượng.

Một ông quan không sống như một người dân. Một nhà giàu

không sống như một nhà nghèo. Một nhà trí thức không sống như một kẻ vô học phàm lưu.

Một khuê các tiên thơ không sống như một người đàn bà hành khất.

Ở mỗi hạng người, nhà văn tiểu thuyết phải biết những nỗi vui riêng, những nỗi buồn riêng, những nỗi lo lắng riêng, những sự mong đợi riêng, tóm lại là phải biết đời sống vật chất và tinh thần của họ.

Nhưng biết bằng khối óc thông minh còn chưa đủ. Phải biết bằng mỗi tình khẩn khít mới có được cái tâm trạng của mỗi nhơn vật của mình.

Mà những nhơn vật đó phần nhiều cũng không phải là mô phỏng in hệt theo những kiểu mẫu ở đời.

Trong xã hội có những người phiền phức quá, có những chuyện vô lý quá, có những cảnh ngộ rắc rối quá, có những tình trạng éo le quá, nếu cứ chép in như vậy mà cho ra thì sẽ thành nên những núi rối, những bụi rậm làm cho độc giả phải điên đầu.

Nhà viết tiểu thuyết có tài tất phải là người biết gom-góp, biết lựa lọc, biết hy sinh những cái đáng phải hy sinh, biết thêm bớt cho nổi thêm ý nghĩa; tóm lại là biết lấy những vật liệu rời rạc trong đời mà chung đúc nên những hình trạng kỳ thú về sự sống của chúng ta.

Vẽ một nhơn vật có thể lấy kiểu mẫu ở nhiều người. Tả một cảnh ngộ có thể chấp nối bằng nhiều chuyện và có thể bày đặt cho thấu lý, đạt tình.

Những tình cảm trong sạch có thể siêu việt quá mức thường và những nỗi yếu hèn tồi bại có thể bôi thêm cho đậm nét.

Những ai thấy tiểu thuyết có nhiều người ham viết, xin chớ vội chê là một thể văn tầm thường.

Chê tác giả tầm thường thì được, nhưng xin nhìn nhận cái giá trị của một thể văn mà ai muốn phụng sự đều cần phải có một nghệ thuật vi diệu, một học vấn đầy đủ, và một tấm lòng ưu-ái nặng nề đối với nhơn sanh, nhơn loại.

Có nhiều bộ tiểu thuyết đã đề cập đến những vấn đề triết lý cao thâm, đã tiết ra những ánh sáng mới mẻ về khoa học, đã bày ra biết bao bí ẩn trong tâm giới người đời.

Sách triết học thì khô khan, sách khoa học thì khúc mắt, không phải mỗi người đều có thể đọc được, mà cũng không phải mỗi lúc ta đều bình tâm tĩnh trí mà đọc.

Duy có thể văn tiểu thuyết là thích hiệp với số đông vì những ý kiến cao xa đã được giải nghĩa bằng hành động, và những

lời bàn khúc mắt đã nói ra bởi những nhơn vật thân yêu.

Vả lại cầm tới quyển tiểu thuyết ta chỉ nghĩ là đọc cho tiêu khiển, nào có bao giờ ta cho nó là sách học của ta đâu ?

Vậy mà chính trong khi ta tiêu khiển, ta vẫn có thể lãnh hội được biết bao nhiêu điều bổ ích cho trí thức và tâm hồn.

Ta biết cảnh đời có lẫn chuyện ly kỳ. Ta biết xã hội có thiên hình vạn trạng. Ta biết những cảnh trí ở nơi đất lạ phương xa. Ta biết những phong tục ở từng miền trên thế giới.

Nhưng cần hơn hết, thú hơn hết, là ta biết thêm được ít nhiều cái cảnh tượng minh mông, bát ngát, bí hiểm, lạ lùng là cái lòng dạ con người.

Theo nhà thi sĩ ta có thể quên đời mà sống ngoài trần lụy. Nhưng theo nhà văn tiểu thuyết thì ta lại đi sâu vào tâm hồn nhơn loại để tìm hiểu cái bản sắc của ta.

Mà không phải là tìm hiểu cho thoả trí tò mò, nhưng chính là tìm hiểu để tu tâm dưỡng tánh.

Nhà tiểu thuyết đại gia không hay giảng luân-lý một cách khô khan sống sượng, nhưng họ vẫn có ảnh hưởng thâm thiết đối với tâm hồn, tình cảm của ta.

Họ không đem những tư tưởng sẵn có mà đặt vào óc ta. Họ không đem những tình cảm sẵn có mà để vào lòng ta.

Nhưng họ lại có cách khéo gợi cho đầu óc ta phải tư tưởng và làm nẩy nở ở lòng ta những mỹ cảm mỹ tình.

Ta thấy ta giống người nhiều hơn là khác người. Giống ở phần đạo đức, mà cũng giống ở những cái yếu hèn.

Rồi ta cảm thấy lòng ta dễ dãi hơn, nhơn từ hơn, bác ái hơn.

Mà phải. Sao ta biết hữu tình với những nhơn vật tiểu thuyết, mà ta nỡ vô tình với đồng loại của ta ?

Sao ta chịu để ý đến những chuyện bày đặt mà ta lại lãnh đạm với những chuyện có thật ở trong đời ?

Sao ta thương những người xả thân vì nghĩa, sao ta ghét những kẻ độc ác tham tàn, mà ta lại dung túng cho ta trong cảnh đời ích kỷ ?

Ta còn đặt bao nhiêu câu hỏi trong đầu rồi ta mới ngẫm nghĩ mà thương cho những nhà văn đã vương vít trong lòng biết bao nhiêu tình nhơn loại.

Ta chẳng cần hoan nghinh họ một cách tung bừng náo nhiệt để quên ngay họ mà sống tiếp cảnh đời náo nhiệt tung bừng vô nghĩa lý của ta.

Ta nên yên lặng mà nghe lòng ta hòa nhịp với những tiếng thồn thức của tâm hồn nhơn loại.

THIỆU SƠN

RU'ONG VÀNG CỦA CON TÔI

MỸ-ẨM TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG

(Tiếp the)



NÀO dè dàu việc xây thành lình, khác hẳn với ý mình liệu trước. Lưu về đến nhà xuống ngựa, thì thấy đồ vật trong nhà trảm thức đủ cả, trật tự vẫn y nguyên như cũ, chỉ có chủ tớ nàng Châu-Long vắng mặt mà thôi. Chờ lâu chẳng thấy về, kiếm dàu cũng chẳng gặp. Bể khoá phòng trong ra soát thì giường mừng gối nệm cho chí rương tủ cũng đều đủ hết, tiền bạc cũng để lại nhiều, duy có trướng gấm im-lìm, dài gương vắng bóng, vật còn người mất, hiện ra tình cảnh thê lương! Hỏi thăm các nhà láng giềng thì họ nói nàng đã biệt tích từ sau khi tiếp được tin mừng trước đây năm bữa.

Lưu đương ngồi phờ rầu suy nghĩ, chưa kiếm ra manh mối làm sao, thì bỗng thấy có sai nhà của Dương Tri-phủ (Dương-Lễ khi đó đã thăng chức Tri-phủ) vàng mạng quan Chủ đem đồ vàng gấm lại mừng, và đưa thơ mời tới chơi phủ lý, vì việc quan phiền kịch, không tiện thân hành tới viếng cố hữu và mừng tân khoa.

Lưu sai gia đồng mời lai sứ vô nhà, cho ngồi thết trà, hơn hỏi thăm chuyện cũ chi của Dương Tri-phủ, thì lai sứ tùy vấn tùy đối; đó là câu chuyện thù tạc cửa miệng, Lưu đều chẳng để ý làm chi.

Sau cùng, lai sứ đem một chuyện lạ xảy gặp trong khi đi đường vừa rồi, thuật lại hầu quan Cống nghe. Tóm tắt đại ý câu chuyện của y là y đi ngang qua quán Nghinh-hương, khi không trời chiều nổi cơn gió trốt, đưa cuống một vị mỹ như cỏi chim hạc bay lên cao khuất tầng mây. Lưu nghe câu chuyện kỳ khôi thì trong ý hiểu thầm rằng nàng Châu Long chắc là một vị tiên cô, phụng mạng đức Thượng-đế xuống giúp công đền sách cho mình, ngày nay công đã cáo thành, nên về trời mà báo mạng Thượng-đế đó vậy.

Đối với tình bạc giao của Dương Tri-phủ, Lưu vẫn chưa nguôi lòng hờn, lại trong ý còn muốn ngạo Dương, nên như Dương sai đem lễ mừng và có thơ mời, thì liền sửa soạn ngựa xe trẩy tới phủ nha đáp lễ.

Tới nơi đưa thiệp danh vô thông báo, Dương liền sửa soạn khăn áo, đích thân ra cửa nha tiếp rước. Gặp nhau mừng rỡ tay bắt mặt mừng ; Dương bèn ra linh đông cửa nha, yết thị nghỉ việc quan ba ngày đặt tiệc mừng bạn.

Trong bữa tiệc gấm là rực rỡ, đèn hát vang đầy, mà Lưu không có ý vui một chút nào, vì nghĩ đến cách thay lòng đổi dạ của Dương : thuở trước lạt lẽo chừng nào, thì ngày nay đậm đà chừng ấy, trọng phú quý mà khi cần tiện, rõ ràng là thái độ tiểu nhân ; rồi thừa dịp hát nghỉ đèn ngưng, kiếm cớ nói câu chuyện cũ, thuật lần cho tới chuyện *tiên cô trợ dưỡng*, thì Dương ra bộ làm tỉnh không để ý, chum chim cười thầm, mà truyền lính hầu vào nhà trong mời cô hầu Ba ra đứng rượu mừng quan Cống tân khoa.

Giây lâu, nghe tiếng sen vàng lững dững bước ra, dạo lần tới tận trước bàn, một vị mỹ nhân khép vạt áo cúi đầu thi lễ. Lưu vội vã đứng dậy đáp lễ và trộm liếc dung nhan, thì biết đó là cô hầu Ba, mà cô hầu Ba chẳng phải là người lạ nào đâu, chính là nàng Châu-Long vậy.

Bảy giờ đây Lưu mới tỉnh ngộ ra cái chỗ dụng tình của Dương là đặc biệt : bao nhiêu công *khích thành* cho mình, bao nhiêu ơn *dưỡng thành* cho mình ; công ơn ấy ví bằng trời đất ! Ban xưa mình hiền lành là *thượng đế* đó tức là lòng tạo hóa của Dương vậy, hiền lành là *tiên cô* đó tức là ai thiệp của Dương vậy ; mà cái điều hiền lành là *bạc giao* đó thì làm lại làm quá, đều không phải bổn tánh của Dương. Đã hiền lòng bạn rồi, Lưu sụp xuống đất lạy tạ đại đức của Dương, mà từ đó nước Việt Nam ta lưu truyền một truyện kỳ tình trong niềm bằng hữu.

..

Đối với chữ nghĩa *khuyến nhau điều lành, răn nhau điều dữ* mà Lưu thì tài biếng học, Dương vẫn lấy tình thân khuyến nhủ nhưng Lưu không để làm lòng, thì Dương lại theo lời dạy của đức Khổng-Tử : « *Bảo thật mà khéo dẫn cho bạn, chẳng được thì thôi, đừng mang nhục vào mình* », vì trong lối bạn-bầy mà cản ngăn nhau luôn luôn thì liền xa nhau, mà họ phản đối với mình, thì

càng thêm nhục nữa. Tuy vậy mà Dương không nỡ bỏ bạn cho dứt, còn kiếm kế làm tủi nhục bằng canh rau mắm mặn, để khích thành cái chí về sau.

Đối với chữ nghĩa sang hèn chẳng quên nhau, giàu nghèo phải nhờ nhau, mà Dương đã làm nên sang giàu, ắt không quên bạn, ắt phải nhớ bạn, thì sai ái thiếp đem của lên đi nuôi bạn, khiến cho bạn hèn cũng trở nên sang, bạn nghèo cũng trở nên giàu, dưỡng thành cái công cho tới « sanh ta là cha mẹ, biết ta là Bảo Tử » ; đó là câu Quán-Di-Ngô cảm tình tri kỷ với bạn là Bảo thúc Nưa, thì Lưu Bình cũng nên đem câu ấy mà cảm tình tri kỷ với bạn Dương-Lễ. Nước Trung hoa nói về bạn bày thân hậu, ắt nhắc đến Quán Bảo, thì nước Việt nam ta nói về bạn bày thân hậu, ắt cũng nên nhắc đến Dương, Lưu.

Việt-Nam ta từ xưa học theo văn hóa Trung - hoa, chẳng những khoa văn học không thua kém gì Trung-hoa, mà hãy coi một trang bạn bày cũng không thua kém gì Trung-hoa, thì thấy rằng luân lý của Việt nam đều do học mà nên vậy. Vả lại, bạn bày có quan hệ với đạo làm người như trên đây đã nói, thì xem với bốn trang : vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, mà kêu là năm luân lý, chẳng đáng lẽ lắm sao ?

(Còn nữa)



ĐÃ CÓ BẢN

Thi văn bằng chữ Hán, ở Nam-kỳ không có đã lâu. Nay Đặng thúc-Liêng tiên-sanh mới xuất-bản một tập : « Tiểu Phù-viên, Hán văn, Thi văn Toàn tập ». Trong tập ấy ghi chép những lời ngâm vịnh từ Bắc qua Tàu và trở về Nam, nhiều lời tiêu tao nhã thú lắm.

Các bạn nên xem qua cho biết. Giá mỗi tập : 0.50

Sách có để bán tại Bồn-quán, số 5, đường Reims, và tại nhà riêng Đặng tiên sanh ở đường Colonel Grimaud, Saigon.

ÁI-TÌNH MIẾU

TIỂU-THUYẾT CỦA HỒ BIỀU-CHÁNH

(Tiếp theo)



NH biết anh Huồn mà.

— Qua biết hồi nào ?

— Bữa mình đi Đà Lạt về, em mời anh lên nhà ăn cơm. Ăn được nửa bữa rồi anh Huồn ghé xe rước ba đi đó. Anh quên hay sao ?

— À, qua nhớ rồi. Té ra người đó hả ?

— Phải.

— Huồn có vợ phải hôn ?

— Phải. Có vợ có con rồi.

Rước dâu về tới nhà, mẹ con bà giáo Viễn dẫn họ hai bên cũng hẳn hoi đúng đắn. Chừng mãn tiệc họ đang gái cáo từ mà về. Bà giáo biểu con và dâu phải đưa họ ra tới xe.

Từ nay ông Thịnh sẽ xa cách con, ông không biết cái đời tương lai của con sẽ ra thế nào ; nhưng mà lúc từ biệt nhau ông không cảm, không buồn, mà bộ ông lại hân hoan mừng ý.

Huồn bắt tay từ giả Phúc, mà Huồn liếc mắt ngó cô Lý, miệng chum chim cười và nói : « Kém Lý bỏ cảnh vui sướng Saigon mà về ở chỗ quê mùa như vậy, chắc em sẽ buồn lắm. Saigon mất một gái xinh đẹp như em, Saigon cũng hết vui. Saigon sẽ trông đợi em. Vậy dầu em được vui đạo vợ chồng, xin em cũng đừng quên Saigon nhé. »

Phúc nghe mấy lời ấy thì châu mày tái mặt.

Cô Lý lấy làm bất bình về mấy câu điều cợt trái mùa đó, song cô vừa muốn dạy Huồn một bài học về cách lịch sự ở đời, thì ông Thịnh đã kéo Huồn lên xe, rồi xe rút chạy, làm cho cô Lý nói không kịp.

Xe của họ đang gái chạy hết rồi, vợ chồng Phúc ngó nhau mà cười, rồi thung thủng trở vô nhà, chồng chan chứa ân tình, vợ ngại ngùng đời mới.

Đến tối trong nhà dọn dẹp xong rồi, bà con cũng đã về hết. Bà giáo Viễn ngồi trên bộ văng ngoài trước mà ăn trầu, bà thấy

con với dẫu ra vô nói chuyện vui vẻ, thì bà dặt ý, nên bà nói :
« Đến bữa phản bái, hai vợ chồng con lựa mua một chiếc xe
hơi, nghe hôn con. »

Cô Lý chưng hững hỏi :

— Má biểu mua xe hơi, mà mua thứ nào ?

— Mua thứ nào tùy ý con. Lựa thứ nào đẹp mua để hai
con đi chơi.

Cô Lý day lại hỏi chồng : « Anh muốn mua xe hơi dạng đi
chơi hay không ? »

Phúc lắc đầu đáp : « Không. . . . Đi chơi ở đâu ? . . . Chơi
giống gì ? »

Bà giáo nói : « Con hai ở Saigon từ nhỏ chí lớn. Bây giờ
về vườn chắc nó buồn lắm. Vậy mà muốn mua xe hơi dạng con
đi xuống Saigon thường thường mà chơi với nó cho nó vui. Hay
là con muốn đem nó đi Dalat, hoặc chỗ nào xa nữa cũng được,
đi chơi cho khỏi buồn vậy mà. »

Cô Lý nghe như vậy thì cô cười mà đáp :

— Xin má đừng lo cho phận con. Về ở trên này con không
buồn đâu.

— Con thương chồng nên con nói như vậy chớ sao lại không
buồn. Ở vườn mà vui s o được.

— Khi con ưng anh Phúc, thì con đã biết con phải về ở chỗ
này. Saigon có thú vui theo Saigon, Bến-súc có thú vui theo
Bến-súc. Vì con muốn hưởng thú vui theo Bến-súc, nên con
mới ưng anh Phúc. Xin má đừng lo cho con buồn.

— Anh sanh có một mình con. Anh già con lấy chồng chắc
anh nhớ lắm. Bề nào mà cũng phải cho con về Saigon thường
thường mà thăm anh. Vậy phải có một chiếc xe hơi để vợ chồng
con lên xuống cho tiện.

— Thưa má, bữa nào má muốn cho con về thăm ba con, thì
con gọi thợ trước, rồi ba con cho xe dưới nhà lên rước vợ
chồng con cũng được, chẳng cần phải sắm xe riêng cho vợ
chồng con. Ba con mắc buồn bán, nên ít khi đi đâu xa. Xe
dưới nhà nằm không hoài, ba con cho đưa rước được.

— Gái có chồng không nên làm nhọc lòng cha mẹ nữa.

— Thưa, chẳng có điều chi nhọc lòng đâu.

— Phúc, vợ con nó nói như vậy, con nghĩ sao ? Con muốn
sắm xe hơi hay không ?

Phúc suy nghĩ một chút rồi mới đáp :

— Vợ con không muốn sắm xe hơi thì thôi. Còn về phần con, thì hiện hãy giờ con không cần dùng xe.

— Tự ý con. Má sẵn lòng làm cho hai con hưởng chút sung sướng với thiên hạ. Như hai con không muốn sắm xe, mà muốn làm việc gì khác, thì cứ nói cho má biết, đừng ngại chi hết.

Sáng bữa sau, Phúc thức dậy rửa mặt, thấy vợ đã trang điểm rồi thì nói : « Bữa nay chúng ta phải đi bài tạ ông Thần ái-tình của chúng ta, không nên trễ nữa. »

Cô Lý ngó chòngg với cặp mắt chứa chan ân ái và nhích miệng cười rất có duyên mà hỏi :

— Ông Thần ái-tình ở đâu ?

— Ở ngoài cái miếu sau vườn, em quên rồi hay sao ?

— À, em nhớ rồi. Anh lau mặt chải đầu đi. Để em đi bận áo.

— Em phải mặc càt áo xanh với cái quần trắng hôm trước mới được.

— Đồ đó cũ rồi nên em để lại dưới nhà, em không có đem theo.

— Qua lấy làm tiếc lắm.

— Không hại gì. Em có đồ khác cũng giống như vậy.

Cô Lý vội vã trở vô phòng thay đồ, Phúc cũng đi thay áo và mặc đồ y như bữa tiếp khách hôm nọ. Cách một hồi cô Lý trở ra, cô mặc quần trắng áo xanh như hôm trước, song áo quần còn mới tinh, lại màu áo tươi hơn, nên làm cho sắc cô càng thêm đẹp.

Phúc ngó vợ mà gặc đầu. Vợ chồng dắt nhau vô trong cho mẹ hay rồi đi thẳng ra sau vườn.

Mặt trời vừa mới mọc, giọt sương chưa khô, nên ngọn cỏ lá cây còn đầm đầm oằn hoai. Hoa i gâu đương nở rộ, mùi thơm phưởng phất, làm cho không khí vừa mát mẻ vừa ngọt ngào.

(Còn nữa)

(Autorisé par arrêté du Gouverneur Général)

N° 500-N du 17 Juillet 1942)

Imprimerie THANH MẬU
3, rue de Reims — Saigon

L'Administrateur Gérant ;
— HỒ VĂN KỶ-TRÂN —

